

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2022.

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch

2. Ông Trần Văn Ân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 686/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Bé B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Ông S, bà B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc S trình bày:

Ông và bà Huỳnh Thị Bé B tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/4/2009. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông và bà B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau từ nhiều năm nay. Nay tình cảm của ông đối với bà B không còn nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bé B.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Huỳnh Thị Bé B vắng mặt:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà B tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng bà B đều vắng mặt và cũng không có trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Ngọc S. Cho ông S được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bé B.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Ông S khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc ông S phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà B vẫn vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời ông S cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Ngọc S và bà Huỳnh Thị Bé B tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Ông S xác định vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau từ nhiều năm nay. Hiện tại cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà B đã nhiều lần được Tòa án triệu tập tới để hòa giải đoàn tụ nhưng đều vắng mặt, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của ông S được chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông S khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà B không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Ông S khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Huỳnh Ngọc S được ly hôn với bà Huỳnh Thị Bé B.

2. Về con chung: Ông S khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà B không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

4. Về nợ chung: Ông S khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Ông Huỳnh Ngọc S phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số **0000205 ngày 01/12/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Ông S đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Ngọc S, bà Huỳnh Thị Bé B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 36 ngày 16/4/2009);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm